TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 73 /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 9 - 2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Út

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lâm Thị Tám
2. Bà Huỳnh Thị Cẩm Hồng

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 240/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 108/2020/QĐST-DS ngày 16 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trà Thái Tr, sinh năm 1986
Địa chỉ: ấp N, xã Thạnh Q, huyện T, tỉnh Sóc Trăng *(có mặt)*
2. Bị đơn: Anh Phan Văn Ng **,** sinh năm 1984
Địa chỉ: ấp S, xã Thạnh Q, huyện T, tỉnh Sóc Trăng *(vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Trà Thái Tr đề ngày 29 tháng 6 năm 2020 và biên bản lấy lời khai ngày 28 tháng 8 năm 2020 và lời khai tại phiên tòa có nội dung sau:

Chị Trà Thái Tr và anh Phan Văn Ng hai người xây dựng hôn nhân vào năm 2012 và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

Thạnh Q, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 222, ngày 31 tháng 10 năm 2013.

.

Thời gian chung sống chị Tr và anh Ng có một người con chung là cháu Phan Trà Bảo L, sinh ngày 06/11/2013, hiện con đang sống với chị Tr.

Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận

Về nợ chung: Chị Tr xác định vợ chồng không có nợ chung.

Chị Tr cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng luôn phát sinh mâu Thuẫn, thường xuyên cãi vã với nhau do hai người tính tình không hợp. Chị cho rằng nguyên nhân chính là do anh Ng thường xuyên ăn nhậu, không quan tâm chăm sóc vợ con, chị thấy vợ chồng sống như vậy thì không thể có hạnh phúc với nhau được nên chị và anh Ng hai người sống ly thân nhau từ tháng 4 năm 2020 đến nay. Trong thời gian sống ly thân chị và anh Ng cũng không có biện pháp gì hàn gắn lại nên chị Ng yêu cầu được ly hôn đối với anh Ng. Khi ly hôn, chị Tr yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Phan Trà Bảo L đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Ng phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết, về nợ chung chị Tr xác định vợ chồng không có nợ chung.

Đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trà Thái Tr thì anh Phan Văn Ng đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và thông báo triệu tập anh Ng đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Ng không đến và cũng không có văn bản gởi cho Tòa án biết về ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị Tr. “ Ngày 10/9/2020 Tòa án nhận được đơn yêu cầu của anh Ng đề ngảy 08/9/2020 do cầu tiến bản thân nên anh học trung cấp, liên thông lên đại học và mua xe đi làm nên tốn rất nhiều tiền nên anh hỏi vay mượn tiền nhưng không thông qua gia đình, khi vợ anh phát hiện ra thì số nợ quá lớn từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc vợ anh xin ly hôn đối với anh”.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho

đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Về hôn nhân: Chị Trà Thái Tr được quyền ly hôn với anh Phan Văn Ng

Về con chung, tiếp tục giao cháu Phan Trà Bảo L, sinh ngày 06/11/2013 cho chị Tr được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và anh Ng được quyền thăm nom con không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Tr không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu nên không đặt ra xen xét.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đương sự chịu án phí theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Trà Thái Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Phan Văn Ng và hiện nay anh Ng cư trú tại ấp S, xã Thạnh Q, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy anh Phan Văn Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như triệu tập tham gia phiên tòa nhưng anh Ng cũng vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Ng tại phiên tòa.

[2] Về nội dung: Chị Trà Thái Tr và anh Phan Văn Ng hai người chung sống với nhau vào năm 2012 và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Q, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 222 ngày 31 tháng 10 năm 2013 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Xét lý do yêu cầu xin ly hôn của chị Trà Thái Tr, Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi kết hôn chị Tr và anh Ng, thời gian ban đầu vợ chồng chung lo làm ăn ổn định cuộc sống, tạo sinh được con cái, gia đình hạnh phúc, nhưng hạnh phúc ấy, không bao lâu thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã với nhau và anh Ng không quan tâm đến đời sống vợ con, chị Tr thấy vợ chồng sống mà không có sự hài hòa, sự đùm bọc lẫn nhau thì không thể có hạnh phúc được, mặt khác vợ chồng thiếu tin nhau về việc kinh tế gia đình.xét thấy mâu thuẫn hàng ngày trong gia đình vợ chồng anh chị không có biện pháp khắc phục mà để cho mâu thuẫn kéo dài ngày thêm trầm trọng, dẫn đến vợ chồng không còn khả năng sống chung với nhau được nữa và hiện tại chị Tr và anh Ng hai người sống ly thân từ tháng 4 năm 2020 đến nay. Cũng trong quá trình giải quyết vụ án thì anh Ng cũng biết được việc chị Tr yêu cầu ly hôn đối với Ng, nhưng anh Ng không có thiện chí hàn gắn nên anh Ng không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải để tìm biện pháp hàn gắn vợ chồng trở lại. Từ nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị Tr và anh Ng hai người sống ly thân từ tháng 4/2020 đến nay, về mặt tình cảm vợ chồng thật sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đến mức trầm trọng nên việc chị Tr xin ly hôn đối với anh Ng là cần thiết. Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trà Thái Tr đối với anh Phan Văn Ng là có căn cứ đúng pháp luật.`

[4] Về con chung, chị Tr yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Phan Trà Bảo L, sinh ngày

06/11/2013 đến tuổi trưởng thành, xét yêu cầu được nuôi con của chị Tr cũng phù hợp vì hiện nay con đang sống với chị Tr, hơn nữa cháu L cũng còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Từ phân tích trên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị Tr. Giao cho chị Tr tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Phan Trà Bảo Ng, sinh ngày 06/11/2013 đến đủ 18 tuổi là có căn cứ đúng pháp luật.

Anh Phan Văn Ng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Tr không yêu cầu anh Ng phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận nên không xem xét.

[7] Về nợ chung: Chị Tr xác định vợ chồng không có nợ chung và anh Ng không thể hiện tranh chấp về nợ chung nên không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Trà Thái Tr phải chịu án phí theo qui định pháp luật là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

[9] Các quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ pphí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội và mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016):

Áp dụng Khoản 1 Điều 56, và các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trà Thái Tr đối với anh Phan Văn Ng. Chị Trà Thái Tr được ly hôn với anh Phan Văn Ng.

2. Về con chung: Giao chị Trà Thái Tr tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Phan Trà Bảo L, sinh ngày 06/11/2013 đến đủ 18 tuổi.

Anh Phan Văn Ng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Ng không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Tr không yêu cầu..

4. Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu, nên không xem xét.

5. Về nợ chung: Chị Tr xác định vợ chồng không có nợ chung và anh Ng không thể hiện tranh chấp về nợ chung nên không đặt ra xem xét

6. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, chị Trà Thái Tr phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chị Tr đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005513 ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng, được chuyển thu án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND xã Q, huyện T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Út